

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 12 – 02 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truỵện;

2. Ông Nguyễn Văn Lẻn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Chánh Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXX-ST ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Ngô Thị Hồng N**, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Số D, ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Bà Lưu Thị Mỹ H**, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố D, Phường B1, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng N và phần trình bày của bà N trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 08/8/2013 bà N cho bà Lưu Thị Mỹ H (tên thường gọi ở địa phương là H1) vay số tiền 10.000.000 đồng, có thỏa thuận miệng trả lãi nhưng không nói rõ mức lãi suất, hạn trả 01 tháng. Khi nhận tiền bà H có viết biên nhận và cầm cố cho bà N một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Luvias, biển số 62T1– 021.51 kèm theo giấy đăng ký xe do bà H đứng tên.

Sau khi vay tiền và cầm cố xe khoảng 01 tháng thì bà H khát nợ, đồng thời bà H trình bày hoàn cảnh khó khăn không có phương tiện đi lại, phải thuê xe ôm để đưa rước

con đi học nên xin được nhận lại xe, bà cũng đồng ý và giao xe mô tô biển số 62T1 – 021.51 cho bà H, chỉ còn giữ giấy đăng ký xe.

Từ ngày nhận tiền đến nay bà H chưa thanh toán nợ vay gốc và nợ lãi cho bà N, vợ chồng bà H bỏ đi khỏi địa phương và không liên lạc được. Đến thời gian gần đây bà H về địa phương sinh sống và có điều kiện kinh tế nên bà N gọi điện liên lạc để đòi nợ nhưng bà H tắt máy không có thiện chí trả nợ.

Do đó bà N khởi kiện ra Toà yêu cầu bà Lưu Thị Mỹ H (tên thường gọi ở địa phương là H1) trả tiền nợ vay và nợ lãi, cụ thể:

Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu bà H có trả số nợ gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi kể từ ngày 08/08/2013 đến ngày 10/9/2024 dương lịch là 11.957.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên toà bà N thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi, yêu cầu bà H trả số nợ gốc 10.000.000 đồng và nợ lãi làm tròn là 10.000.000 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 20.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Lưu Thị Mỹ H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên toà và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên toà, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là bà Ngô Thị Hồng N thực hiện đúng quy định. Bị đơn bà Lưu Thị Mỹ H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung:

- Về nợ gốc: Nguyên đơn bà N cung cấp bản chính biên nhận ngày 08/8/2013 có nội dung bà Lưu Thị Mỹ H1 (là tên thường gọi của bà H) có cầm cho bà N 1 chiếc xe Luvias, số xe 62T1-021.51 với số tiền 10.000.000 đồng. Biên nhận không thể hiện có thoả thuận lãi và thời hạn trả, nhưng tại phiên toà bà N trình bày hai bên thoả thuận miệng cho vay thời hạn 01 tháng. Quá trình giải quyết vụ án phía bà H (H1) vắng mặt không lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N, do đó có cơ sở xác định thời hạn vay là 01 tháng như bà N trình bày. Nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn (đến 08/9/2013) theo quy định Điều 478 BLDS năm 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày đã liên hệ với bà H yêu cầu trả nợ, nhưng phía bà H không trả, bà H vắng mặt không ý kiến phản đối đối với tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Nên nguyên đơn cho rằng bị đơn bà H chưa trả số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định các Điều 471, 472, 474, 477 BLDS năm 2005;

- Về lãi suất và thời gian tính lãi: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính theo quy định pháp luật và làm tròn là 10.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 20.000.000 đồng. Xét thấy

+ Bà N cho rằng các bên có thoả thuận miệng trả lãi nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh nên xác định đây là hợp đồng vay không lãi, tuy nhiên bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài nghĩa vụ trả nợ gốc, bà H còn phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 474 BLDS 2005 (nay là Điều 466 BLDS 2015) (lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả, lãi

suất cơ bản khi áp dụng BLDS 2005 và các văn bản hướng dẫn là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng) trong giai đoạn đến trước ngày 01/01/2017. Từ ngày 01/01/2017 việc áp dụng lãi chậm trả theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS (là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng).

+ Về thời hạn tính lãi chậm trả: Do bị đơn vắng mặt và không có ý kiến phản đối về thời hạn vay 01 tháng mà bà N đưa ra, có cơ sở để xác định thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 08/8/2013, nên thời hạn tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 09/9/2013.

Xét thấy hiện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi làm tròn là 10.000.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật. Nên yêu cầu tính lãi của bà N là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ phân tích trên căn cứ quy định tại các Điều 471, 472, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 việc bà Ngô Thị Hồng N yêu cầu bà Lưu Thị Mỹ H trả tiền nợ gốc và tính lãi là có cơ sở xem xét chấp nhận.

- Về giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62T1-02151 bà N đồng ý trả cho bà H khi bà H trả hết nợ. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận. Căn cứ quy định tại các Điều 326, 327, 336, 339, 340 Bộ luật Dân sự 2005 (nay là các Điều 309, 310, 315, 316 Bộ luật Dân sự 2015) để giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu bà Lưu Thị Mỹ H có địa chỉ cư trú tại Phường B, thị xã K trả tiền nợ vay gốc và lãi. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường.

[2] Về tố tụng: Bà Lưu Thị Mỹ H đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện: Bà Ngô Thị Hồng N yêu cầu bà Lưu Thị Mỹ H thanh toán số tiền nợ vay gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 08/8/2013 đến nay là 10.000.000 đồng.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy,

Bà Lưu Thị Mỹ H vắng mặt, không có ý kiến trình bày mặc dù đã được cấp, tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án trong đó có Thông báo yêu cầu có ý kiến và cung cấp chứng cứ. Căn cứ các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ cho quyền lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

[3.3] Về yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp là bản chính Biên nhận đề ngày 08/8/2013 có nội dung bà Lưu Thị Mỹ H1 có cầm cho bà N 01 chiếc xe Luvias với số tiền là 10.000.000 đồng, số xe 62T1-021.51.

Căn cứ Đơn xin xác nhận đề ngày 09/12/2024 mà bà N cung cấp có xác nhận của phường B1, thị xã K thể hiện bà Lưu Thị Mỹ H, sinh năm 1976, địa chỉ thường trú Khu phố D, Phường B1, thị xã K có tên thường gọi là H1. Nên có căn cứ xác định bà Lưu Thị Mỹ H và người ký tên Lưu Thị Mỹ H1 trong giấy biên nhận ngày 08/8/2013 là cùng một người.

Do đó, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở xác định bà Lưu Thị Mỹ H (H1) và bà Ngô Thị Hồng N có xác lập hợp đồng vay tài sản, số tiền 10.000.000 đồng, bà H có cầm cố 01 xe mô tô biển số 62T1-021.51 nhãn hiệu Yamaha, số loại Luvias cho bà N.

Bị đơn bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán số nợ trên. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ.

[3.4] Về yêu cầu trả nợ lãi: Biên nhận ngày 08/8/2013 không thể hiện các bên có thỏa thuận trả lãi vay. Nguyên đơn bà N trình bày các bên có thỏa thuận miệng trả lãi nhưng không nói rõ mức lãi suất là bao nhiêu. Nay bà N chỉ yêu cầu tính lãi từ khi vay cho đến nay là 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì số tiền lãi bà N yêu cầu 10.000.000 đồng là không vượt quá mức lãi quy định nên được chấp nhận.

[3.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc bà H có trách nhiệm trả nợ vay gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi 10.000.000 đồng.

[4] Về việc cầm cố tài sản: Bà N thừa nhận khi cho vay tiền thì bà H có cầm cố cho bà N 01 xe mô tô biển số 62T1-021.51 nhãn hiệu Yamaha, số loại Luvias kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, tuy nhiên sau đó bà N đã giao trả lại xe mô tô cho bà H, hiện nay chỉ còn giữ giấy chứng nhận đăng ký xe, nay đồng ý trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà H. Phía bị đơn bà H không có ý kiến trình bày, không có ý kiến phản đối về nội dung trên. Do đó căn cứ lời khai của nguyên đơn bà N là có cơ sở.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà N không phải nộp án phí, bà H phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 326, 340, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng các Điều 309, 316, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lưu Thị Mỹ H.

Buộc bà Lưu Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Hồng N số tiền nợ vay gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bà Ngô Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho bà Lưu Thị Mỹ H một bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001098 do Công an huyện M cấp ngày 14/9/2011 cho tên chủ xe Lưu Thị Mỹ H, sinh năm 1976; nhãn hiệu xe Yamaha, số loại Luvias, biển số đăng ký 62T1-021.51.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thị Hồng N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 549.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002691 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà Lưu Thị Mỹ H có trách nhiệm nộp số tiền án phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lưu Thị Mỹ H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung